

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NK
THÀNH PHỐ CT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 52/2020/HNST
Ngày: 07/8/2020
V/v: “*Tranh chấp xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NK, THÀNH PHỐ CT**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Anh Q**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Công N**

2. Bà **Hồ Thị Kim L**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Huyền T** – Thư ký Tòa án nhân dân quận NK.

Ngày 07/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận NK xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 612/2019/TLST–HNST ngày 02/12/2019 về việc tranh chấp “*Xin ly hôn*”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2020/QĐXXST ngày 19/6/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Mỹ P**, sinh năm 1982

Địa chỉ: 126/3 đường 3/2, phường An Bình, quận NK, thành phố CT.

Bị đơn: Ông **Phan Văn T**, sinh năm 1980

Địa chỉ: 118/8B khu vực 6, đường 3/2, phường Hưng Lợi, quận NK, thành phố CT (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn trình bày:

Bà P và ông T tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường Hưng Lợi, thành phố CT (cũ). Quá trình chung sống thời gian đầu hôn nhân hạnh P về sau phát sinh mâu thuẫn trong tình cảm vợ chồng dẫn đến bất đồng quan điểm. Đồng thời, ông T không chăm lo kinh tế và quan tâm đến gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau và thời gian mâu thuẫn kéo dài. Bà đã nhiều lần tìm cách hàn gắn hạnh P nhưng không T, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay tình cảm đã thật sự rạn nứt không còn nên bà P xin được ly hôn với ông T.

- Về con chung: có 01 con chung tên Phan Lê Hữu L (nam) sinh ngày 21/11/2006. Bà P yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

Phía bị đơn ông Phan Văn T vắng mặt không rõ lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ bằng hình thức niêm yết quyết định xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, bà P xin được ly hôn, về con chung bà trình bày cháu L hiện đang ở với ông T để thuận tiện cho con đi học nên bà đồng ý giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con. Bà đồng ý xét xử vắng mặt ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Bà P và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp, khi có yêu cầu ly hôn sẽ được Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh và vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] *Về phần thủ tục*: Ông Phan Văn T đã được Tòa án niêm yết quyết định xét xử hai lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông T là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà P và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân, thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc thì mâu thuẫn phát sinh. Mâu thuẫn chủ yếu là do sự bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không có sự chăm sóc và chia sẻ với nhau trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng không còn tiếng nói chung. Mặc dù, ông bà nhiều lần tìm cách hàn gắn, sửa đổi nhưng không mang lại kết quả. Nay bà P nhận thấy tình cảm không còn nên có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông T. Ông T được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng mời tham dự phiên tòa nhưng ông T từ chối nhận, Tòa án đã tiến hành niêm yết quyết định xét xử vào các ngày 21/7/2020 và 07/8/2020 nhưng ông T vẫn vắng mặt không rõ lý do chứng tỏ ông cũng không còn tha thiết gì đối với cuộc hôn nhân này. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà P là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Có 01 con chung là cháu Phan Lê Hữu L (nam) sinh ngày 21/11/2006. Tại phiên tòa bà P đồng ý giao con chung cho ông Phan Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, bà P không phải cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 05/8/2020 cháu L muốn ở với ông T. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự nên ghi nhận.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Do vắng mặt ông T nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] *Về án phí hôn nhân*: Nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Khoản 4 Điều 207, Khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Mỹ P đối với ông Phan Văn T.

- Về con chung: giao cháu Phan Lê Hữu L (nam) sinh ngày 21/11/2006 cho ông Phan Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà Lê Thị Mỹ P không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: do xét xử vắng mặt ông T nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001804 ngày 20/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận NK thành án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nói trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.NK;
- Chi cục THADS Q.NK;
- Lưu hồ sơ.

Lê Anh Q